CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư Nhà đất Việt

Ngày 31/03/2025	4,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.8%	**5.1%**	**7.9%**

DT thuần
Q1/25
0.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01| -34.0%
YoY: ▼0.23| -94.5%

LN thuần
Q1/25
-1.52
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.32| 17.3%
YoY: ▼0.10| -7.2%

LN sau thuế
Q1/25
-1.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.32| 17.2%
YoY: ▼0.11| -7.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-11608%
YoY: +/-▼ 2750%

ROE (TTM)
Q1/25
-3.5%
YoY: +/-▼ 0.3%

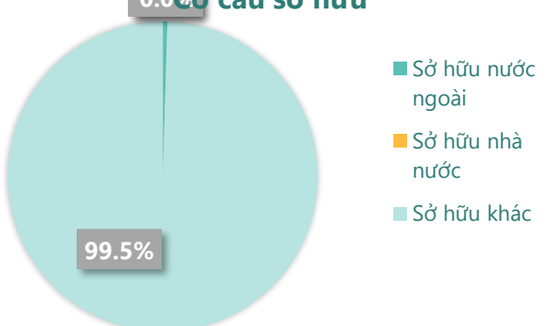
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,900 - 5,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	205
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	59,770
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	
EPS	-109
P/E	-37.5

DT thuần
2024
0.50
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.30| 118%

LN thuần
2024
-17.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 70.8| 80.5%

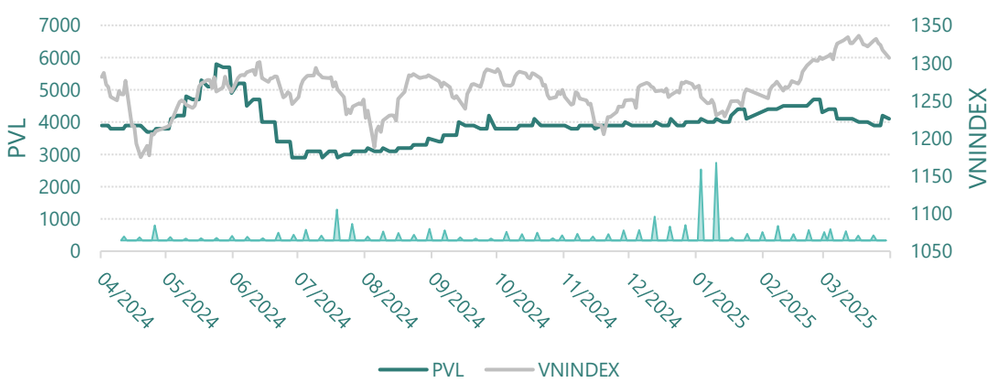
LN sau thuế
2024
-17.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 71.6| 80.6%

Cơ cấu sở hữu

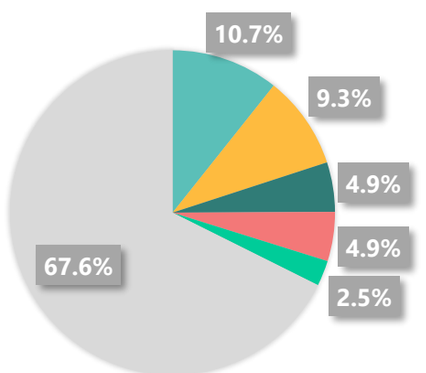


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

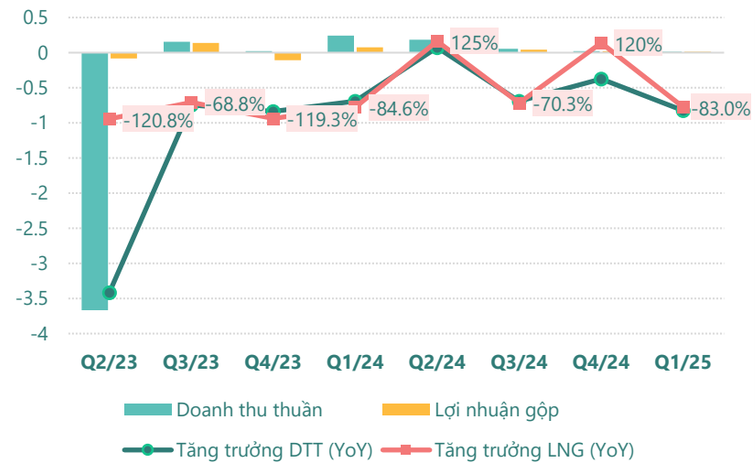


- Trịnh Quốc Khánh (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Việt Dũng (Thành viên HĐQT)
- CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Việt Nam
- Bạch Đức Huyến
- CTCP Đầu tư Xây dựng SaigonLand
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

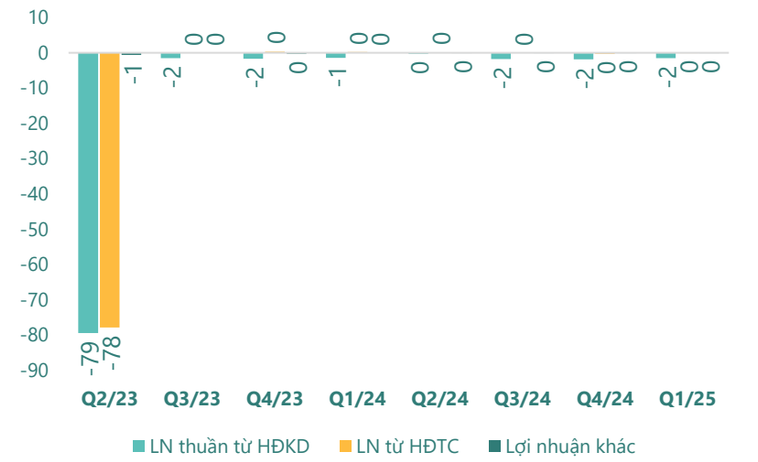
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



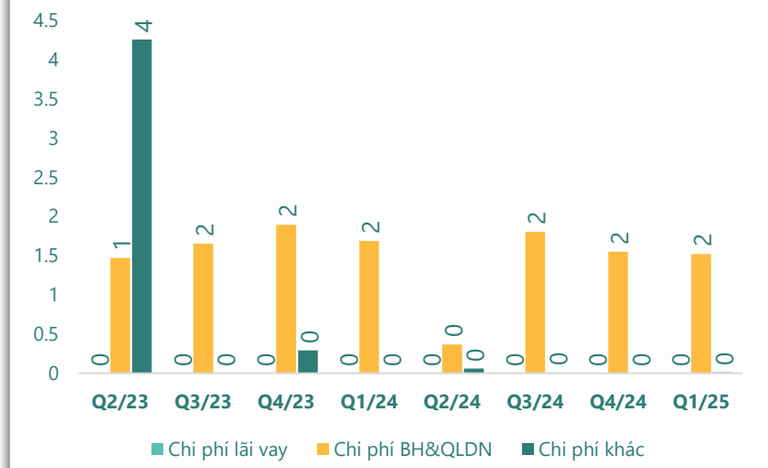
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



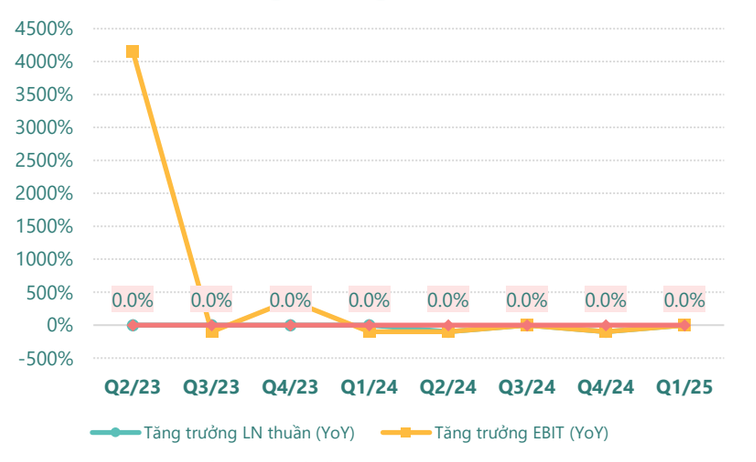
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



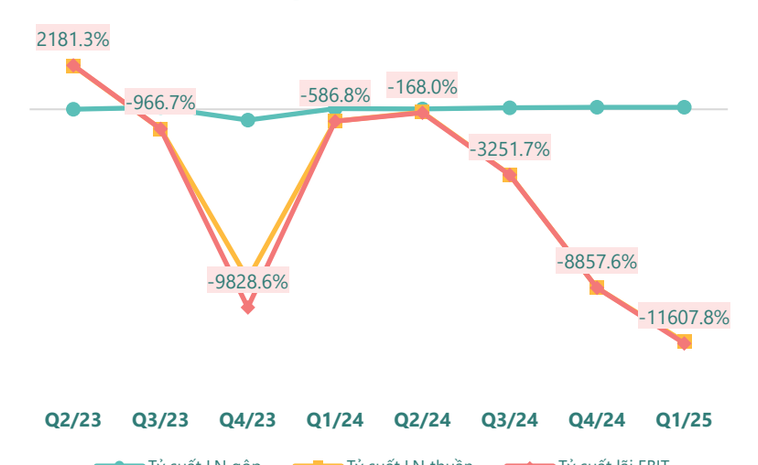
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



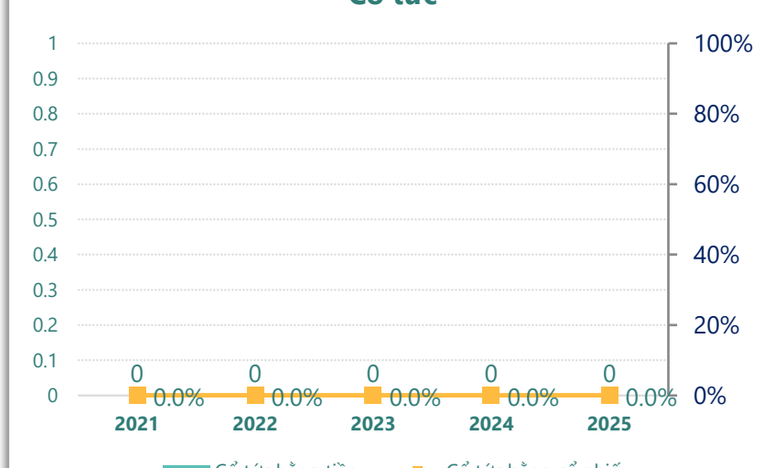
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

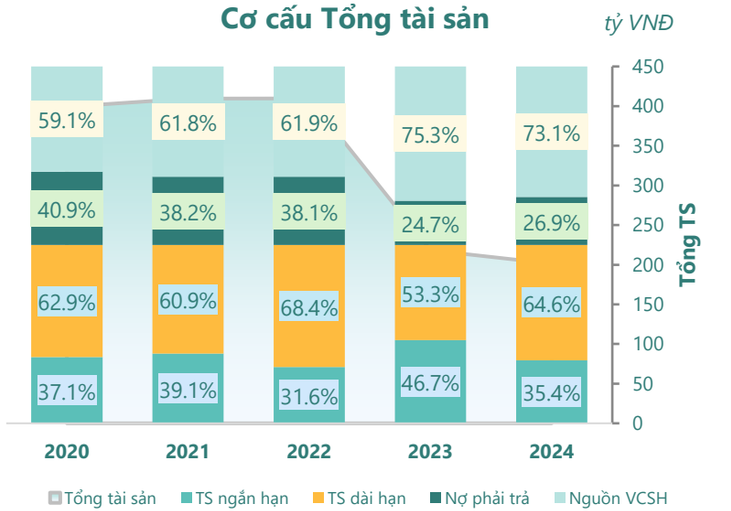
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

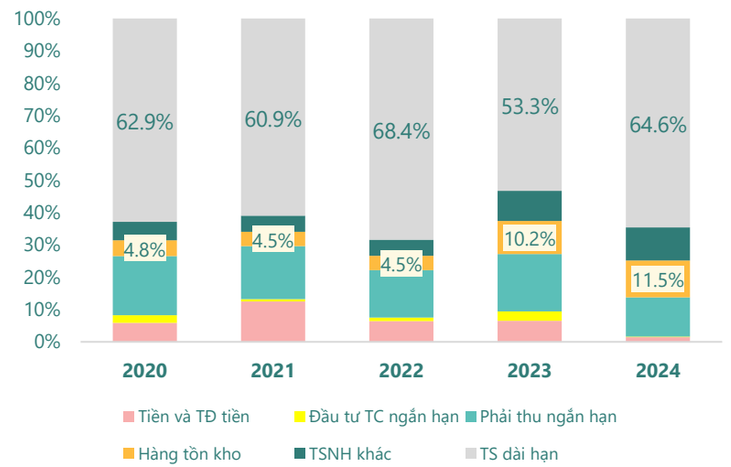
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



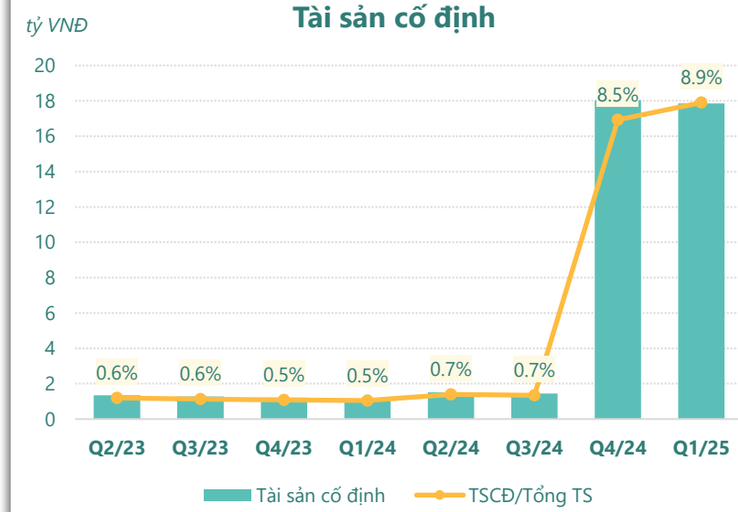
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



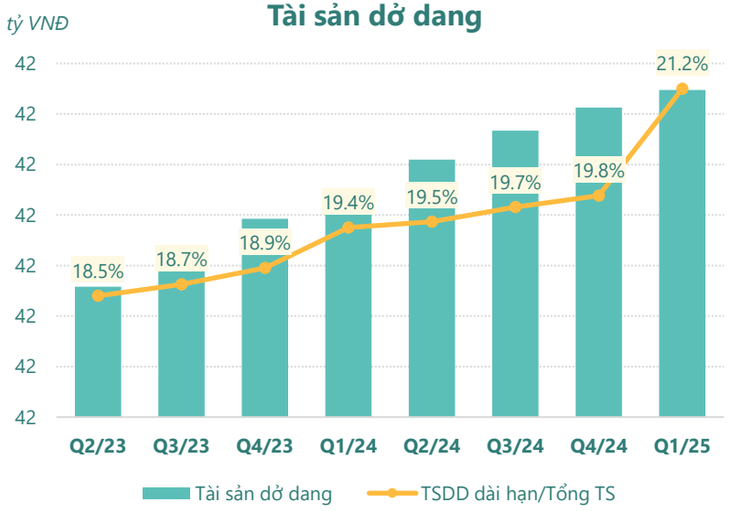
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



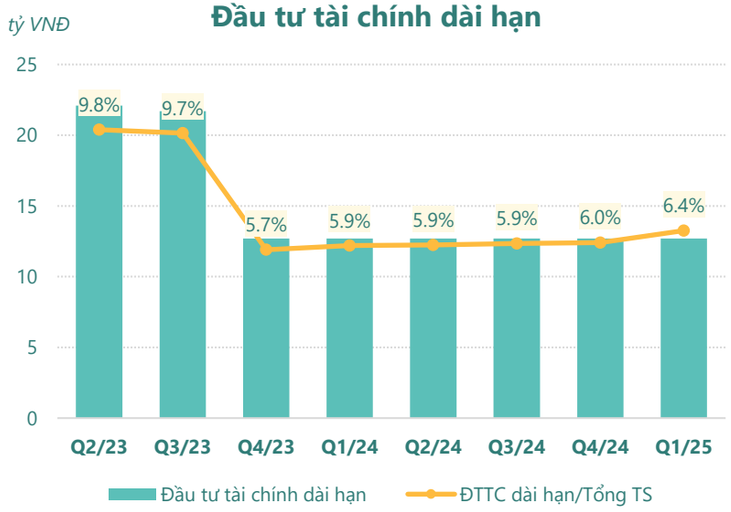
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



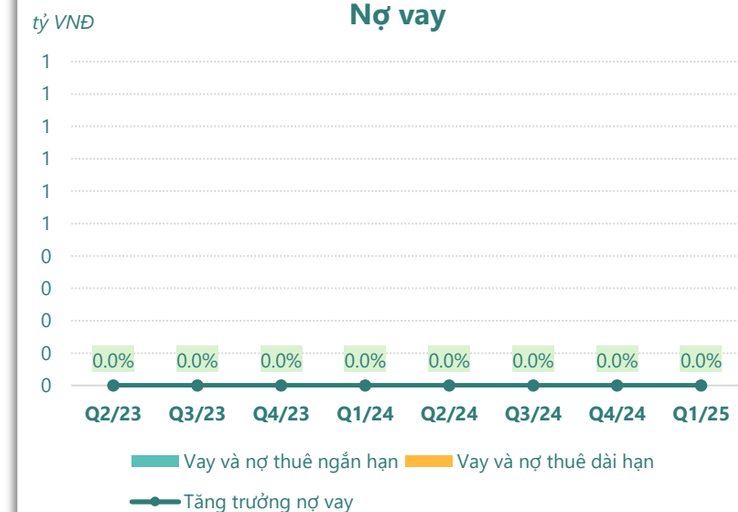
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

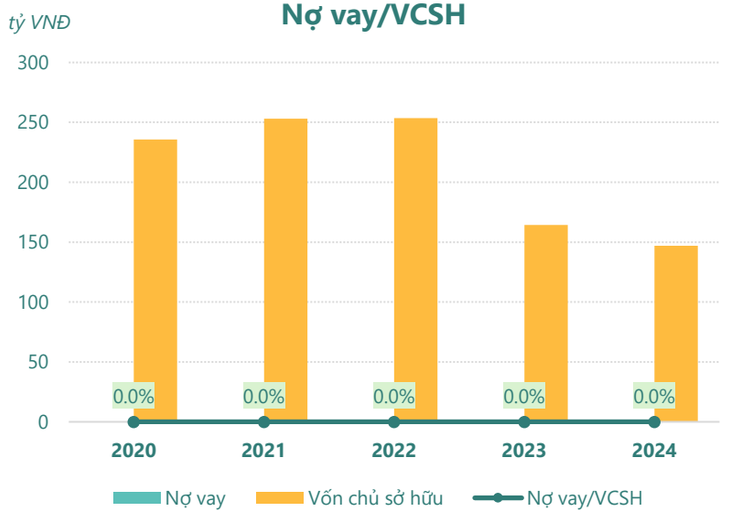
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

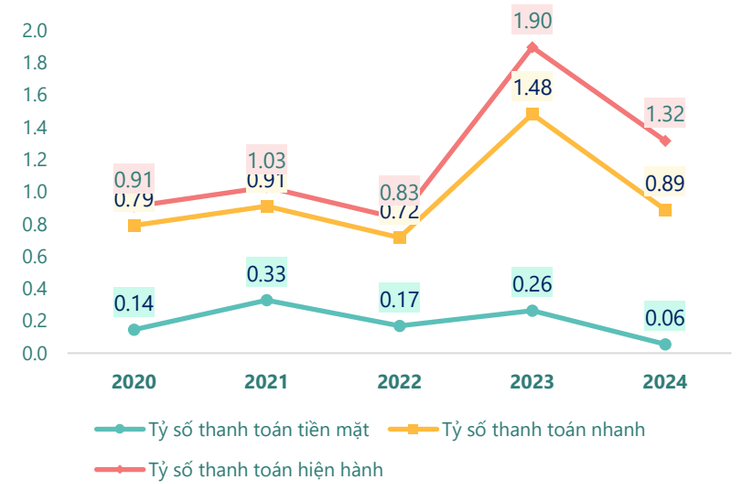
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



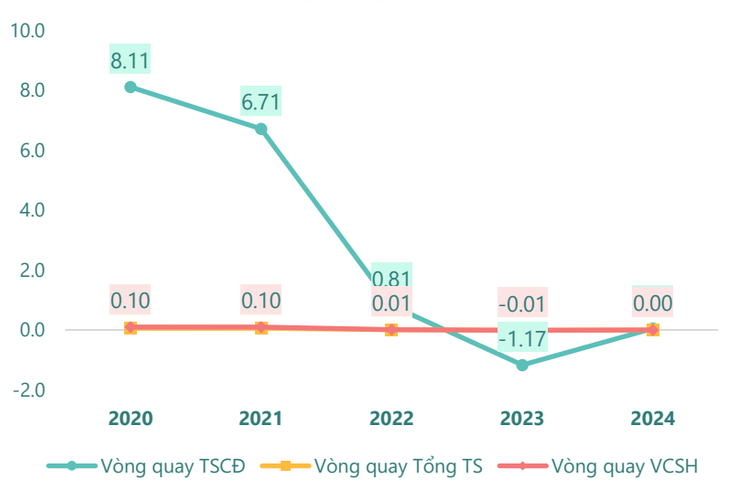
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



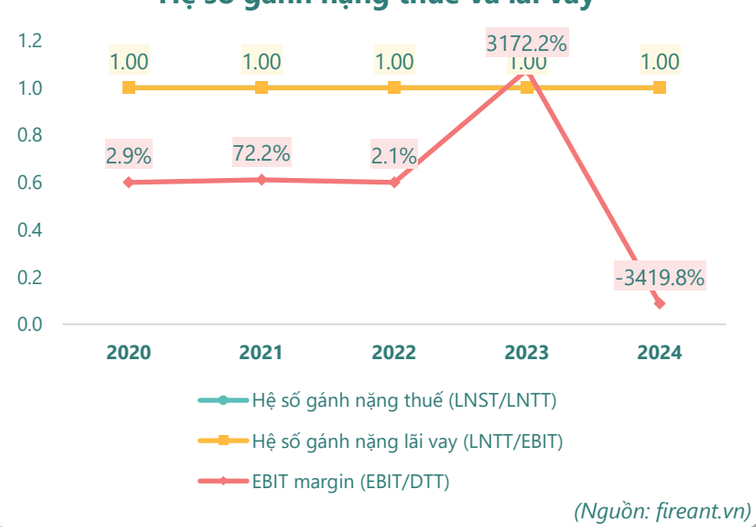
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



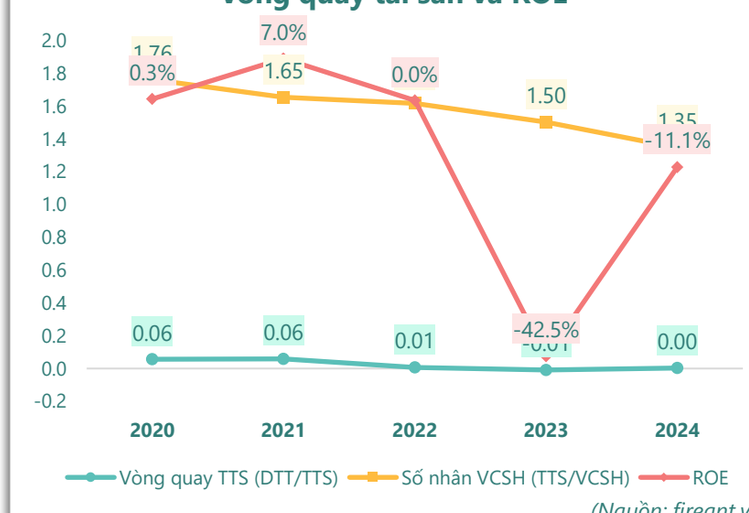
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



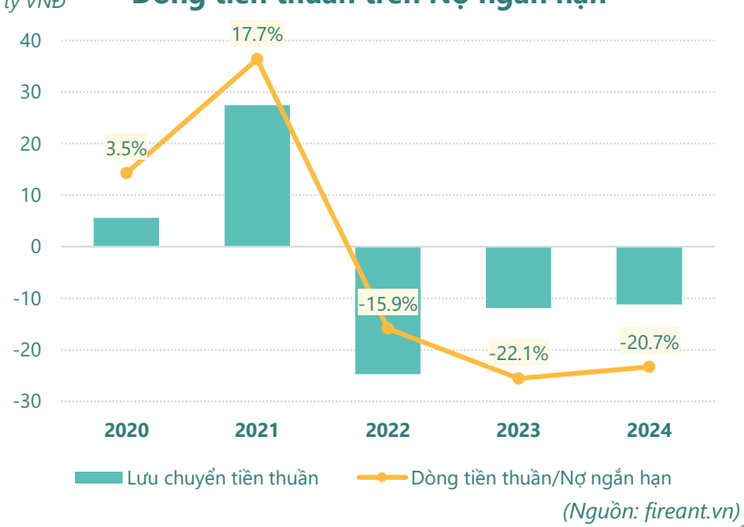
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.01**	**0.24**	**-94.5%**	**0.50**	**-2.80**	**118%**
Giá vốn hàng bán	0	0.17	-100%	0.34	-3.25	111%
Lợi nhuận gộp	0.01	0.08	-83.5%	0.16	0.45	-64.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.20	-99.6%	0.28	0.47	-40.0%
Chi phí TC	0.02	0.01	54.4%	0.31	77.9	-99.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.52**	**1.69**	**-10.0%**	**17.3**	**10.9**	**57.8%**
LN thuần từ HĐKD	-1.52	-1.42	-7.2%	-17.1	-87.9	80.5%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.00**		**-0.07**	**-0.86**	**91.6%**
LN trước thuế	-1.53	-1.42	-7.9%	-17.2	-88.8	80.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.53**	**-1.42**	**-7.9%**	**-17.2**	**-88.8**	**80.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.53**	**-1.42**	**-7.9%**	**-17.2**	**-88.8**	**80.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.14	-8.40	19.6	-0.90	9.49	-1.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	26.6	0.02	-23.2	0.04	-7.87	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	7.66	14.2	5.82	2.24	1.38	3.00
Lưu chuyển tiền thuần	**24.4**	**-8.38**	**-3.58**	**-0.86**	**1.62**	**-1.22**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	14.2	5.82	2.24	1.38	3.00	1.78

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**199**	**201**	**-0.8%**
Tài sản ngắn hạn	69.7	71.2	-2.0%
Tiền và tương đương tiền	1.78	3.00	-40.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.21	0.36	-42.7%
Phải thu ngắn hạn	24.2	24.3	-0.3%
Hàng tồn kho	23.0	23.0	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	20.5	20.5	0.0%
Tài sản dài hạn	**130**	**130**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	26.7	26.7	0.0%
Tài sản cố định	17.9	18.0	-1.0%
Bất động sản đầu tư	29.5	29.5	0.0%
Tài sản dở dang	42.2	42.2	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.7	12.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.80**	**0.88**	**-9.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	53.9	54.1	-0.2%
Nợ ngắn hạn	**53.9**	**54.0**	**-0.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	18.1	18.0	0.7%
Nợ dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**146**	**147**	**-1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**146**	**147**	**-1.0%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)